

Bài tập

Luật Ngân Hàng

MỤC LỤC

<u>Bài tập.....</u>	<u>1</u>
<u>Luật Ngân Hàng.....</u>	<u>1</u>
<u>MỤC LỤC.....</u>	<u>2</u>
<u>A.MỞ ĐẦU.....</u>	<u>2</u>
<u>B.NỘI DUNG.....</u>	<u>3</u>
<u>I.Khái quát về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng</u>	<u>3</u>
<u>1.Khái niệm.....</u>	<u>3</u>
<u>2.Các yếu tố cấu thành hoạt động cho vay.....</u>	<u>4</u>
<u>3.Những đặc thù của hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.....</u>	<u>4</u>
<u>II.Phân loại cho vay của tổ chức tín dụng và ý nghĩa của việc phân loại.....</u>	<u>5</u>
<u>1.Phân loại cho vay căn cứ vào thời hạn sử dụng vốn vay.....</u>	<u>5</u>
<u>2.Phân loại cho vay căn cứ vào tính chất có bảo đảm của khoản vay.....</u>	<u>8</u>
<u>3.Phân loại cho vay căn cứ vào mục đích sử dụng vốn.....</u>	<u>10</u>
<u>4.Phân loại cho vay căn cứ vào phương thức cho vay.....</u>	<u>12</u>
<u>5.Phân loại cho vay căn cứ vào số lượng bên cho vay.....</u>	<u>15</u>
<u>C.KẾT LUẬN.....</u>	<u>19</u>
<u>D.DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</u>	<u>20</u>

A. MỞ ĐẦU.

Cho vay là một mặt của hoạt động tín dụng ngân hàng, thông qua hoạt động cho vay, ngân hàng thực hiện điều hòa vốn trong nền kinh tế dưới hình thức phân phối nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi huy động được từ trong xã hội để đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống. Để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn tín dụng, cần thiết phải phân loại cho vay. Phân loại cho vay là việc sắp xếp các khoản cho vay theo từng nhóm dựa trên một số tiêu thức nhất định. Nếu việc phân loại cho vay có cơ sở khoa học sẽ là tiền đề để thiết lập các quy trình cho vay thích hợp và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng.

Đặc biệt, căn cứ vào các hình thức cho vay của tổ chức tín dụng mà tạo nền tảng để hình thành nên một hệ thống chính thể thống nhất về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, đồng thời từ đó mà các tổ chức tín dụng có thể xây dựng được chiến lược kinh doanh vi mô và vĩ mô,

cũng những ưu đãi riêng của tổ chức mình nhằm thu hút đông đảo khách hàng, đảm bảo được lợi nhuận.

Chính từ những lí do đó việc làm rõ các cách phân loại cho vay của các tổ chức tín dụng và ý nghĩa của việc phân loại đó là vô cùng quan trọng và cần thiết.

B. NỘI DUNG.

I. Khái quát về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng .

1. Khái niệm.

Dưới góc độ kinh tế- xã hội, cho vay là hiện tượng kinh tế khách quan, xuất hiện khi trong xã hội loài người có tình trạng tạm thời thừa và tạm thời thiếu vốn. Khái niệm cho vay, theo nghĩa chung nhất được hiểu là việc một người thỏa thuận để cho người khác được quyền sử dụng tài sản của mình trong một thời hạn nhất định với điều kiện có hoàn trả, dựa trên cơ sở tín nhiệm của mình đối với người đó.

Dưới góc độ pháp lý, thì Luật tổ chức tín dụng 2010 định nghĩa “ cho vay” như sau: *“Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với*

nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.” (Khoản 14 điều 4 Luật tổ chức tín dụng 2010).

2. Các yếu tố cấu thành hoạt động cho vay.

Hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật gồm những yếu tố cấu thành sau:

Thứ nhất, về chủ thể: hoạt động cho vay bao giờ cũng gồm hai bên tham gia là bên đi vay và bên cho vay. Trong đó, bên cho vay là người có tài sản chưa dùng đến và muốn cho người khác sử dụng để thỏa mãn một số lợi ích của mình. Bên đi vay chính là những người đang cần sử dụng loại tài sản đó để thỏa mãn nhu cầu về kinh doanh, tiêu dùng...

Thứ hai, hình thức pháp lý của hoạt động cho vay chính là hợp đồng tín dụng tài sản. Hợp đồng này được các bên xác lập và thực hiện trên nguyên tắc tự do và thống nhất về ý chí, nguyên tắc tự định đoạt...

Thứ ba, sự kiện cho vay được phát sinh bởi hai hành vi căn bản: Hành vi ứng trước và hành vi hoàn trả một số tiền nhất định là các vật cùng loại. Hành vi ứng trước tài sản do người cho vay thực hiện còn hành vi hoàn trả được thực hiện bởi người vay sau đó một khoảng thời gian theo sự thỏa thuận của hai bên.

Thứ tư, việc cho vay bao giờ cũng dựa trên sự tín nhiệm giữa người cho vay đối với người đi vay về khả năng hoàn trả tiền vay

3. Những đặc thù của hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Hoạt động cho vay tín dụng của tổ chức tín dụng còn thể hiện những đặc điểm riêng có, đặc thù của mình như sau:

Thứ nhất, việc cho vay của tổ chức tín dụng là hoạt động nghề nghiệp kinh doanh thường xuyên, mang tính chức năng. Mặc dù theo pháp luật Việt Nam hiện hành, các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng

cũng có thể thực hiện việc cho vay đối với khách hàng như một hoạt động kinh doanh nhưng hoạt động cho vay của tổ chức này hoàn toàn không phải là nghề nghiệp mang tính chức năng như đối với các tổ chức tín dụng .

Thứ hai, hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng không chỉ là một nghề kinh doanh mà hơn nữa còn là một nghề nghiệp kinh doanh có điều kiện. Điều này thể hiện ở chỗ tổ chức tín dụng phải thỏa mãn một số điều kiện nhất định như :

- Phải có vốn pháp định (theo qui định hiện nay là 5000 tỉ)
- Phải được ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động ngân hàng trước khi tiến hành việc đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, ngoài việc phải tuân thủ các quy định chung của pháp luật về hợp đồng, hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng còn chịu sự điều chỉnh, chi phối của các đạo luật về ngân hàng, thậm chí kể cả các tập quán thương mại về ngân hàng. Đặc điểm này bị chi phối bởi tính chất đặc thù trong nghề nghiệp kinh doanh của các tổ chức tín dụng như tính rủi ro cao và sự ảnh hưởng mang tính chất dây chuyền đối với nhiều lợi ích khác nhau trong xã hội.

II. Phân loại cho vay của tổ chức tín dụng và ý nghĩa của việc phân loại.

Hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng có thể được phân loại dựa vào nhiều tiêu chí khác nhau và mỗi cách phân loại đều đem lại ý nghĩa, tác dụng nhất định.

1. Phân loại cho vay căn cứ vào thời hạn sử dụng vốn vay.

1.1 Các loại cho vay.

Căn cứ vào tiêu chí này, hoạt động cho vay của TCTD có thể phân thành ba loại: cho vay ngắn hạn, cho vay trung hạn và cho vay dài hạn.

a. Cho vay ngắn hạn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31/12/2001 ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng thì “*Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng*”. Như vậy, ta có thể thấy đây là loại hình cho vay có thời gian dưới một năm, vì thế mà mục đích của loại hình cho vay này thường là nhằm tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản lưu động, đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của khách hàng trong hoạt động kinh doanh hoặc thỏa mãn các nhu cầu về tiêu dùng của khách hàng trong thời gian ngắn, cụ thể ở đây là 12 tháng.

b. Cho vay trung hạn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31/12/2001 ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng thì “*Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng*”. Đây là loại hình cho vay trong đó các bên thỏa thuận thời hạn sử dụng vốn vay là từ 1 – 5 năm. Mục đích của loại cho vay này nhằm tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản cố định hay được sử dụng để mua sắm các loại tài sản của khách hàng trong kinh doanh hoặc thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng...

c. Cho vay dài hạn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31/12/2001 ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng thì “*cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ 60 tháng trở lên*”. Nhưng mục đích của khoản vay này thường là nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư.

1.2 Ý nghĩa của việc phân loại.

a. Đối với nhà làm luật.

Từ việc phân loại thành các loại cho vay dài hạn, trung hạn hay ngắn hạn mà các nhà làm luật đưa ra những qui định phù hợp đối với từng loại cho vay, hạn chế rủi ro các hoạt động của các tổ chức tín dụng .

Ví dụ: Để đảm bảo khả năng chi trả của tổ chức tín dụng , pháp luật có qui định tổ chức tín dụng không được dành quá nhiều nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn. Theo qui định của pháp luật hiện hành, đối với ngân hàng thương mại, không được sử dụng quá 30% vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân trung ương là 20%, tỉ lệ này đối với công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính là 30%.¹

b. Đối với tổ chức tín dụng.

Việc phân loại cho vay thành ngắn, trung và dài hạn tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng dễ dàng kiểm soát được nguồn vốn của mình một cách chủ động. Từ đó có thể lập các kế hoạch huy động cũng như sử dụng vốn một cách chính xác.

Ví dụ: khi một tổ chức tín dụng cho một khách hàng vay một khoản vay dài hạn là 10 tỉ đồng trong vòng 5 năm , thì qua đó tổ chức này sẽ kiểm soát nguồn vốn của mình trước và sau khi cho vay và sau khi 5 năm sau khách hàng sẽ trả cả gốc lẫn lãi, đồng thời có thể lên kế hoạch chi tiết cho việc sử dụng nguồn vốn đó như thế nào sau khi thu hồi vốn.

Thông qua đó phần nào làm giảm bớt đi tính rủi ro trong hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng.

c. Đối với bên đi vay.

Mỗi loại cho vay khác nhau thì có mức lãi suất khác nhau và thời hạn vay nhất định do pháp luật qui định. Từ việc phân loại ra như vậy, sẽ giúp cho người đi vay là tổ chức hay cá nhân có thể lựa chọn hình thức cho vay phù hợp với mục đích của mình.

¹ Xem Thông Tư số 15/TT-NHNN ngày 10/08/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam qui định giảm tỉ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn.

2. Phân loại cho vay căn cứ vào tính chất có bảo đảm của khoản vay.

2.1 Các loại cho vay.

Căn cứ vào tiêu chí này, hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng được chia thành hai loại : Cho vay có bảo đảm bằng tài sản và cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

a. Cho vay có bảo đảm bằng tài sản.

Đây thực chất là hình thức bảo đảm tín dụng. Nghĩa là TCTD sẽ áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo ra cơ sở kinh tế, pháp lí để thu hồi được các khoản nợ đã cho khách hàng vay. Có thể nhận thấy đây là hình thức cho vay mà trong đó nghĩa vụ trả nợ tiền vay được bảo đảm bằng tài sản của bên vay hoặc của người thứ ba (người bảo lãnh khoản tiền vay).

b. Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Đây là hình thức cho vay mà trong đó nghĩa vụ hoàn trả tiền vay không được bảo đảm bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của khách hàng vay hoặc của người thứ ba. Để thực hiện cho vay theo hình thức này thì thông thường các bên chỉ cần giao kết một hợp đồng duy nhất là hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, trong trường hợp TCTD cho vay có bảo lãnh bằng tín chấp thì mặc dù khoản vay này không thể xem là khoản vay có bảo đảm bằng tài sản nhưng người bảo lãnh bằng tín chấp vẫn phải xác lập văn bản cam kết bảo lãnh bằng uy tín của mình và gửi cho TCTD để khách hàng vay có thể được tổ chức tín dụng chấp nhận cho vay.

2.2 Ý nghĩa của việc phân loại.

a. Đối với nhà làm luật.

Từ việc phân loại này, mà nhà làm luật có những qui định rõ ràng qui định về hình thức của các hợp đồng tín dụng. Đó là :

Đối với cho vay có bảo đảm bằng tài sản thì để xác lập và thực hiện việc cho vay có bảo đảm bằng tài sản, giữa tổ chức tín dụng và khách hàng vay (hoặc có thể liên quan đến người thứ ba trong trường hợp bảo đảm tiền vay bằng biện pháp bảo lãnh) phải kí kết cả hai loại hợp đồng bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng
- Hợp đồng bảo đảm tiền vay

Tuy nhiên, do pháp luật qui định cho phép các bên có thể thỏa thuận lập hợp đồng chung nên trong trường hợp này các thỏa thuận về bảo đảm tiền vay được xem là bộ phận hợp thành của hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.

Còn đối với cho vay không có bảo đảm bằng tài sản thì để thực hiện cho vay theo hình thức này thì thông thường các bên chỉ cần giao kết một hợp đồng duy nhất là hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức tín dụng cho vay có bảo lãnh bằng tín chấp thì mặc dù khoản vay này không thể xem là khoản vay có bảo đảm bằng tài sản nhưng người bảo lãnh bằng tín chấp vẫn phải xác lập văn bản cam kết bảo lãnh bằng uy tín của mình và gửi cho tổ chức tín dụng để khách hàng vay có thể được tổ chức tín dụng chấp nhận cho vay.

Qua việc qui định như vậy thì sẽ thuận tiện để giải quyết các vấn đề tranh chấp giữa các bên trong hợp đồng cho vay.

b. Đối với tổ chức tín dụng.

Có thể thấy, trong trường hợp bên vay không trả nợ, đối với các khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản thì tổ chức tín dụng không thể xử lý bất cứ tài sản nào của bên vay để thu hồi nợ mà chỉ có thể yêu cầu trả nợ hoặc đề nghị giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc trọng tài thương mại. Do tính rủi ro cao như vậy, cho nên trên thực tế, các khoản cho vay lớn hoặc dài hạn thường là cho vay có bảo đảm bằng tài sản nhằm đảm bảo cho khả năng thu hồi vốn vay của tổ chức tín dụng.

Pháp luật hiện nay cho phép tổ chức tín dụng tự quyết định cho vay có bảo đảm bằng tài sản hay không có bảo đảm bằng tài sản trên cơ sở đánh giá khả năng tài chính và mức độ tín nhiệm với bên vay.

Như vậy, việc phân loại này đặc biệt quan trọng đối với các tổ chức tín dụng trong việc quyết định xem cho vay bảo đảm bằng tài sản hay không nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro.

c. Đối với bên đi vay.

Đối với bên đi vay, bằng cách phân loại này, họ có thể lựa chọn hình thức vay phù hợp với mình. Đối với các tổ chức, cá nhân muốn vay khoản vay lớn thì họ sẽ bảo đảm bằng tài sản để khẳng định mức độ tín nhiệm, tin cậy của mình với tổ chức tín dụng thì họ mới có thể vay được vốn. Trong trường hợp bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, tổ chức tín dụng có quyền xử lý tài sản để bảo đảm thu hồi nợ theo thỏa thuận. Bằng cách đó sẽ ràng buộc bên đi vay với nghĩa vụ phải trả nợ cho các tổ chức tín dụng nếu không sẽ bị xử lý tài sản.

3. Phân loại cho vay căn cứ vào mục đích sử dụng vốn.

1.1. Các loại cho vay.

Theo tiêu chí này, việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được chia thành hai loại : cho vay kinh doanh và cho vay tiêu dùng.

a. Cho vay kinh doanh.

Đây là hình thức cho vay mà trong đó các bên đã có cam kết là số tiền vay sẽ được bên vay sử dụng vào mục đích sử dụng thực hiện các công việc kinh doanh của mình. Nếu sau khi đã được tổ chức tín dụng giải ngân mà người vay lại sử dụng vốn vào mục đích khác với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ,thì bên cho vay có quyền áp dụng các chế tài thích hợp : Đình chỉ việc sử dụng vốn vay hoặc thu hồi vốn vay trước thời hạn...

b. Cho vay tiêu dùng.

Đây là hình thức cho vay mà trong đó các bên có thỏa thuận, cam kết với nhau về vấn đề số tiền vay sẽ được khách hàng (bên đi vay) sử dụng vào việc thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt hàng ngày và tiêu dùng: Mua sắm đồ gia dụng, mua sắm nhà cửa hoặc phương tiện đi lại thậm chí bao gồm cả việc sử dụng vốn vay vào mục đích học tập của sinh viên...

1.2. Ý nghĩa của việc phân loại.

a. Đối với nhà làm luật

Từ việc phân loại ra cho vay kinh doanh hay cho vay tiêu dùng mà các nhà làm luật đặt ra các qui định cụ thể đối với từng ngành kinh doanh thì tổ chức cá nhân được vay khoản vay tối đa là bao nhiêu, thời hạn tối đa là bao nhiêu năm cũng như đối với các khoản vay tiêu dùng.

b. Đối với tổ chức tín dụng.

Việc phân loại này sẽ giúp cho các tổ chức tín dụng đưa ra những chiến lược, những chính sách và định hướng phát triển trong tổ chức của mình. Đối với cho vay kinh doanh, thông thường là những món vay lớn, có nhiều rủi ro, cho nên các tổ chức tín dụng cần có những sách lược về thẩm định hết sức kỹ càng để đảm bảo khả năng thu hồi vốn. Còn đối với cho vay tiêu dùng, thông thường là những món vay nhỏ hơn so với cho vay kinh doanh, nhưng nhiều trường hợp thời gian vay lại tương đối dài, nên cũng tác động đến khả năng thu hồi nợ. Cho nên khi cho vay tiêu dùng, tổ chức tín dụng sẽ cần phải xem xét vào khả năng tạo thu nhập của người vay thì mới cho vay hoặc sẽ buộc họ phải có tài sản bảo đảm.

Ngoài ra, tổ chức tín dụng sẽ kiểm soát xem bên đi vay có sử dụng vốn vay vào đúng mục đích không. Nếu bên đi vay vay vốn để kinh doanh mà lại sử dụng vào mục đích tiêu dùng hoặc mục đích khác thì tổ chức tín dụng có thể đình chỉ hoặc thu hồi vốn vay để bảo toàn được nguồn vốn của mình, tránh rủi ro xảy ra.

c. Đối với bên đi vay.

Dựa vào việc phân loại này mà bên đi vay khi đến các tổ chức tín dụng vay vốn có thể lựa chọn hình thức vay phù hợp với mục đích của mình là vay vốn để kinh doanh hay để tiêu dùng.

Đồng thời, việc sử dụng vốn vay có đúng mục đích hay không của họ bị các tổ chức tín dụng kiểm soát qua đó sẽ góp phần buộc họ phải sử dụng vốn vào đúng mục đích như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

4. Phân loại cho vay căn cứ vào phương thức cho vay.

4.1 Các loại cho vay.

Theo tiêu chí này, việc cho vay được phân thành các loại sau:

a. Cho vay từng lần: Mỗi lần vay vốn khách hàng và tổ chức tín dụng thực hiện thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng.

b. Cho vay theo hạn mức tín dụng: Tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong một khoảng thời gian nhất định.

c. Cho vay theo dự án đầu tư: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

d. Cho vay hợp vốn: Một nhóm tổ chức tín dụng cùng cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, có một tổ chức tín dụng làm đầu mối dàn xếp, phối hợp với các tổ chức tín dụng khác. Việc cho vay hợp vốn thực hiện theo quy định của Quy chế này và Quy chế đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

e. *Cho vay trả góp*: Khi vay vốn, tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời hạn cho vay.

f. *Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng*: Tổ chức tín dụng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức tín dụng nhất định. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng dự phòng, mức phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.

g. *Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*: Tổ chức tín dụng chấp thuận cho khách hàng được sử dụng số vốn vay trong phạm vi hạn mức tín dụng để thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ và rút tiền mặt tại máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt là đại lý của tổ chức tín dụng. Khi cho vay phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tổ chức tín dụng và khách hàng phải tuân theo các quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

h. *Cho vay theo hạn mức thấu chi*: Là việc cho vay mà tổ chức tín dụng thỏa thuận bằng văn bản chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng phù hợp với các quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

4.2 Ý nghĩa của việc phân loại.

a. *Đối với nhà làm luật.*

Tùy từng phương thức cho vay có những tính chất và đặc điểm riêng mà các nhà lập pháp ban hành các quy định cụ thể cho từng loại về những cách thức tiến hành, trình tự, thủ tục và điều kiện khác nhau.

Ví dụ: Khi cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì tổ chức tín dụng phải tuân thủ các quy định trong quyết định của Ngân hàng Nhà nước số 20/2007/QUI ĐINH-NHNN ngày 15/5/2007 ban hành qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng.

Một tổ chức tín dụng để phát hành thẻ nội địa phải thỏa mãn các điều kiện sau:

“- Nghiệp vụ phát hành thẻ phù hợp với phạm vi, điều kiện và mục tiêu hoạt động của tổ chức phát hành thẻ;

- Tuân thủ các quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng quy chế, quy trình thực hiện các nghiệp vụ phát hành thẻ;

- Bảo đảm các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử đối với nghiệp vụ phát hành thẻ;

- Tuân thủ các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ phát hành thẻ;

- Đăng ký loại thẻ và chức năng của loại thẻ tại Ngân hàng Nhà nước trước khi phát hành;

- Báo cáo và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và văn bản có liên quan nhằm chứng minh các điều kiện bảo đảm thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ; báo cáo đầy đủ và chính xác các thông tin thống kê phục vụ cho mục tiêu quản lý, giám sát của Ngân hàng Nhà nước;

- Tuân thủ các quy định khác tại Quy chế này.”²

b. Đối với tổ chức tín dụng.

Từ việc phân loại ra các phương thức vay khác nhau, tổ chức tín dụng sẽ có các cách thức để kiểm tra và giám sát khoản vay một cách phù hợp

² Xem Điều 9 của quyết định của Ngân hàng Nhà nước số 20/2007/QUI ĐINH-NHNN ngày 15/5/2007 ban hành qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng.

và hiệu quả nhất. Đồng thời với mỗi loại vay mà tổ chức tín dụng có những hình thức hợp đồng, trình tự thủ tục khác nhau để phù hợp với các qui định của pháp luật hiện hành.

c. Đối với bên đi vay.

Đối với bên đi vay thì dựa vào các phương thức cho vay cũng như các qui định của pháp luật và của tổ chức tín dụng về từng loại cho vay đó thì họ có thể nắm bắt được cách thức và điều kiện xin vay vốn đối với từng loại cho vay. Từ đó, họ có thể chủ động lựa chọn xem mình muốn vay theo phương thức nào, cần thỏa mãn những điều kiện gì thì mới được vay vốn theo phương thức cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng...vv.vv.

5. Phân loại cho vay căn cứ vào số lượng bên cho vay.

5.1 Các loại cho vay.

Theo số lượng bên cho vay, cho vay có hai loại là cho vay đơn nhất và cho vay hợp vốn (hay còn gọi là đồng tài trợ).

a. Cho vay đơn nhất.

Cho vay đơn nhất là loại cho vay mà bên cho vay chỉ là một tổ chức tín dụng duy nhất. Trong quan hệ cho vay đơn nhất, chỉ cần hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và bên vay để thực hiện việc cho vay.

b. Cho vay hợp vốn.

Cho vay hợp vốn là loại cho vay mà bên cho vay gồm nhiều tổ chức tín dụng cùng hợp vốn để cho khách hàng vay. Việc cho vay hợp vốn (đồng tài trợ) thường được áp dụng trong những trường hợp sau:

- Nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án vượt quá giới hạn cho vay của một tổ chức tín dụng theo qui định của pháp luật.
- Khả năng nguồn vốn của một tổ chức tín dụng không đáp ứng nhu cầu vốn của dự án.

5.2 Ý nghĩa của việc phân loại.

a. Đối với nhà làm luật.

Dựa vào cách phân loại này mà pháp luật có những qui định cụ thể và thích hợp đối với cho vay đơn nhất hay cho vay hợp vốn. Ví dụ : Theo Điều 4 của Quyết định số 286/2002/QĐ-NHNN ngày 3/4/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 886/2003/QUI ĐINH-NHNN ngày 11/8/2003 về việc sửa đổi, bổ sung qui chế đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng qui định như sau:

"Điều 4. Tổ chức được tham gia đồng tài trợ.

1. Tổ chức được tham gia đồng tài trợ là các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và các chi nhánh được ủy quyền;

2. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở chỉ được cho vay hợp vốn với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương. Ngoài việc thực hiện Quy chế đồng tài trợ, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về tổ chức và hoạt động đối với các tổ chức này."

Ngoài ra, còn có các qui định về hợp đồng tài trợ như: Trong quan hệ đồng tài trợ luôn có hai hợp đồng là hợp đồng đồng tài trợ và hợp đồng tín dụng. Hợp đồng đồng tài trợ là thỏa thuận giữa giữa các tổ chức tín dụng về việc cùng cho vay đối với bên vay. Bên đồng tài trợ bao gồm hai thành viên trở lên, mỗi thành viên là một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh của một tổ chức tín dụng được Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng ủy quyền. Những nội dung cơ bản trong hợp đồng đồng tài trợ là tổng số tiền đồng tài trợ, số tiền cho vay của từng tổ chức tín dụng , nguyên tắc nhận tiền hoàn trả và phân chia lãi vay, cũng như thỏa thuận về tổ chức tín dụng đầu mối...

b. Đối với tổ chức tín dụng.

Từ các qui định của pháp luật đối với từng loại cho vay mà các tổ chức tín dụng tuân thủ theo những qui định đó trong hoạt động của mình

xem có được cho vay hợp vốn không, khi cho vay hợp vốn hoặc đơn nhất thì phải đảm bảo những thủ tục và điều kiện về hợp đồng ra sao.

Hơn nữa, việc phân loại như trên sẽ giúp cho các tổ chức tín dụng hạn chế được rủi ro đến mức tối thiểu nhất. Bởi lẽ cho vay hợp vốn thường là trong các trường hợp khoản vay rất lớn, nếu chỉ một tổ chức tín dụng cho vay thì mức rủi ro sẽ rất cao, không đảm bảo được khả năng thu hồi vốn. Hơn nữa, cho vay đồng tài trợ sẽ thúc đẩy mối quan hệ giữa các tổ chức tín dụng, góp phần cho hoạt động liên ngân hàng ngày càng phát triển.

c. Đối với bên đi vay.

Bên đi vay nếu là một nhà đầu tư lớn và muốn vay khoản vay rất lớn vượt quá giới hạn cho vay của một tổ chức tín dụng theo qui định của pháp luật thì giải pháp cho họ chính là xin vay hợp vốn của các tổ chức tín dụng. Như vậy, cách phân loại này giúp cho bên đi vay có nhiều cơ hội để vay vốn phục vụ mục đích kinh doanh, tiêu dùng của mình.

Ngoài các cách phân loại quan trọng và chủ yếu được sử dụng như trên thì còn có các cách phân loại cho vay dựa vào những tiêu chí khác.

Ví dụ :

Căn cứ vào chủ thể xin vay vốn thì hoạt động cho vay được chia thành hai loại là : cho vay tổ chức và cho vay cá nhân.

- Cho vay tổ chức là hình thức cho vay mà trong đó bên đi vay là các tổ chức như : tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp... vv.vv.

- Cho vay cá nhân là hình thức cho vay mà trong đó bên đi vay là các cá nhân.

Hay là theo tiêu chí mục tiêu cho vay của tổ chức tín dụng thì hoạt động cho vay bao gồm : cho vay thông thường, cho vay chính sách và cho vay đặc biệt.

- Cho vay thông thường là loại cho vay của tổ chức tín dụng đơn thuần vì mục tiêu kinh doanh. Tổ chức tín dụng đánh giá và quyết định cho vay dựa trên các qui định của pháp luật và mục đích lợi nhuận của bản thân mình.

- Cho vay chính sách là loại cho vay nhằm thực hiện các chính sách kinh tế xã hội của nhà nước như xóa đói giảm nghèo, chống suy giảm kinh tế, hỗ trợ các nhóm đối tượng đặc biệt... Cho vay chính sách thường áp dụng cho một nhóm chủ thể vay đủ điều kiện nhất định theo qui định của pháp luật, đồng thời có khuynh hướng ưu đãi về lãi suất, thời hạn vay, những biện pháp bảo đảm...

- Cho vay đặc biệt là loại cho vay theo chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ví dụ: ngân hàng nhà nước có thể yêu cầu tổ chức tín dụng cho một tổ chức tín dụng khác vay khi bên vay đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt. Chính phủ có thể yêu cầu tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt trong một số trường hợp nhất định với cam kết hỗ trợ từ nhà nước về khả năng hoàn trả khoản vay này.

Ngày nay, trong điều kiện quốc tế hóa cao độ hoạt động ngân hàng và sự bùng nổ mạnh mẽ của các dịch vụ tài chính, việc phân loại như trên đây về các hình thức cho vay của tổ chức tín dụng sẽ chỉ có tính chất tương đối. Trên thực tế, để cạnh tranh với sức hấp dẫn vốn có của thị trường chứng khoán – với ý nghĩa là kênh dẫn vốn trực tiếp trong nền kinh tế, các tổ chức tín dụng đang có xu hướng ngày càng mở rộng các sản phẩm mới về dịch vụ tài chính, trong đó bao gồm cả việc đa dạng hóa mạnh mẽ các hình thức cho vay đối với khách hàng.

C.KẾT LUẬN.

Như vậy, việc phân loại cho vay của tổ chức tín dụng không những có ý nghĩa quan trọng về quá trình nghiên cứu lí luận mà nó còn có ý nghĩa sâu sắc trong việc vận hành trong thực tiễn.

Căn cứ vào kết quả của việc phân loại cho vay của tổ chức tín dụng mà các nhà làm luật Việt Nam có thể xây dựng thành những quy chế cho vay phù hợp với hoạt động thực tiễn về nghiệp vụ tài chính của tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, cũng dựa trên kết quả của quá trình phân loại cho vay trong hoạt động tín dụng của tổ chức tín dụng cũng đã tạo điều kiện giúp cho mỗi tổ chức tín dụng có thể tự xây dựng, hoạch định cho mình những chiến lược, chính sách kinh doanh mang tầm vĩ mô, có tính khả thi cao và hiệu quả. Đặc biệt, vấn đề phân loại cho vay của tổ chức tín dụng còn giúp các tổ chức tín dụng có nền cơ sở lí luận để từ đó xây dựng thành các quy tắc kĩ thuật nghiệp vụ tương thích với từng loại nghiệp vụ cho vay nhằm phục vụ cho việc triển khai các hoạt động của mình trong thực tiễn.

Xét trên bình diện từng căn cứ phân loại cho vay trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, ta cũng nhận thấy rõ được ý nghĩa của từng cách phân loại này. Với mỗi hình thức cho vay trong thực tế luôn có những điểm tích cực cũng như những điểm bất hợp lý gây trở ngại nhiều cho chính các tổ chức tín dụng cũng như người đi vay. Từ sự phân tách rõ ràng các hình thức cho vay này các nhà quản lý kinh tế vĩ mô có thể đưa ra các quy định cụ thể điều chỉnh hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động cho vay nói riêng.

Như vậy dù nhìn dưới góc độ thực tiễn hay lập pháp thì sự phân loại này đều mang những ý nghĩa không thể phủ nhận đối với thị trường vốn nói riêng và thị trường tài chính nói chung.

D.DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Giáo trình Luật ngân hàng Việt nam, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb CAND – 2010.
2. Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam 2010.
3. Luật các tổ chức tín dụng 2010.
4. Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31/12/2001 ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.
5. Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 127/2005/QĐ – NHNN ngày 3/2/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1267/2001/QĐ – NHNN ngày 31/12/2001
6. Quyết định số 738/2005/QĐ – NHNN ngày 31/5/2005 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 127/2005/QĐ – NHNN ngày 3/2/2005.
7. Nguyễn Thành Long, “Những quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa”, *Tạp chí luật học*, số 12/2007.